

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2021/HNGĐ-ST.  
Ngày: 03/02/2021  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Thạch Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thái Văn Sơn;
2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Hải-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi** không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1101/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Đức T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 50 đường Hồ Văn Tảng, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Số 195A, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 26/8/2020 nguyên đơn anh Dương Đức T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Dương Đức T và chị Trần Thị T có tự nguyện đăng kí kết hôn vào ngày 26/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu sống hạnh phúc nhưng gần đây thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn anh T yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Dương Trọng N, sinh ngày

19/02/2009 và Dương Triệu P, sinh ngày 06/01/2016. Anh T đồng ý giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng/trẻ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2021 cho đến khi lần lượt mỗi trẻ đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị T thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 21/12/2020, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 18/01/2021, ngày 03/02/2021 nhưng chị T đều vắng mặt.

Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Dương Đức T vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu về hôn nhân và con chung, tài sản chung, nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 217/CNKI, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 26/11/2007 thì quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Đức T và chị Trần Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên anh T nộp đơn xin ly hôn, do chị T cư trú tại huyện Củ Chi, nên Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của anh T trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay thì mâu thuẫn giữa anh T và chị T phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Việc chị T đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của anh T, cũng như không tham gia phiên hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử lần 1 và lần 2 cho thấy chị T cũng không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân của mình; xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T đã thật sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy yêu cầu ly hôn của anh T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T khai có 02 con chung tên Dương Trọng N, sinh ngày 19/02/2009 và Dương Triệu P, sinh ngày 06/01/2016; anh T đồng ý giao các con chung Dương Trọng N và Dương Triệu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của trẻ Dương Trọng N và cũng như đảm bảo lợi ích cho trẻ Dương Triệu P. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng/trẻ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2021 cho đến khi lần lượt mỗi trẻ đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Dương Đức T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và Điều 150 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 150, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Đức T được ly hôn với chị Trần Thị T.

1.2. Về con chung: Giao các con chung tên Dương Trọng N, sinh ngày 19/02/2009 và Dương Triệu P, sinh ngày 06/01/2016 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng/trẻ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2021 cho đến khi lần lượt mỗi trẻ đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án số tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T chưa thi hành thì hàng tháng anh T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận việc anh T khai không có.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Dương Đức T chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0084744 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

**Án phí cấp dưỡng nuôi con:** Anh Dương Đức T chịu 300.000 đồng.

**3. Về quyền kháng cáo:** Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với anh T, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ đối với chị T.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**